UBND PHƯỜNG TÂN HÒA
TRƯỜNG THCS MẠC ĐĨNH CHI
Số: 427 /TB-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân Hòa, ngày 10 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU THÁNG 2/2026

* Văn bản pháp lý:

- Căn cứ Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND, ngày 24/07/2025 của Hội Đồng Nhân Dân TP.HCM V/v quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026;
- Căn cứ Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC, ngày 29/08/2025 của Sở GD&ĐT V/v hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Công văn số 893/UBND, ngày 30/09/2025 của UBND Phường Tân Hòa V/v hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn phường Tân Hòa;

Sau khi thông qua và được sự thống nhất của Ban đại diện CMHS, xin ý kiến thỏa thuận với toàn thể CMHS, nhà trường thông báo các khoản thu trong năm học 2025 - 2026 tại Trường THCS Mạc Đĩnh Chi, như sau:

+ **Các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập:**

TT	Mã hiệu	Nội dung khoản thu	Mức thu NH 2025-2026	Thu tháng 2/2026	Số tiền	Ghi chú
① Lớp Tích hợp (6A1-2-3 + 7A1-2):						
1	H1	Học phí (không thu)	-			
2	A1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	**300.000**	1,0 tháng	300.000	
3	A2	Dịch vụ khám sức khỏe HS ban đầu (không bao gồm khám nha học đường), theo 71/TB-TTYT, ngày 24/09/2025	**32.000**		-	
4	A3	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	**40.000**	1,0 tháng	40.000	
5	D1	TDTC 1: Cầu lông, Võ, Nhảy hiện đại, Cờ vua, Bóng bàn, Bóng rổ, Pickleball	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
6	D2	TDTC 2: Cầu lông, Võ, Nhảy hiện đại, Cờ vua, Bóng bàn, Pickleball	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
7	D3	TDTC 3: Bơi	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
8	B3	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	**92.000**	0,5 tháng	46.000	
9	B4	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	**92.000**	0,5 tháng	46.000	
10	B7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"	**172.000**	0,5 tháng	86.000	
11	B8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	**250.000**		-	
12	B9	Học phẩm	**60.000**		-	
13	B10	Tiền suất ăn trưa bán trú	**40.000**		520.000	
	-	*Số ngày ăn dự kiến*			*13 ngày ăn*	
14	B11	Tiền nước uống	**21.000**	0,5 tháng	10.500	
15	B12	Tiền BHYT học sinh (theo TB số 751/TB-BHXH, ngày 12/08/2025)	**631.800**			
		Tổng cộng Lớp Tích hợp (6A1-2-3 + 7A1-2):			**1.183.500**	

TT	Mã hiệu	Nội dung khoản thu	Mức thu NH 2025-2026	Thu tháng 2/2026	Số tiền	Ghi chú
② Lớp Tích hợp (8A1):						
1	H1	Học phí (không thu)	-			
2	A1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	**300.000**	1,0 tháng	300.000	
3	A2	Dịch vụ khám sức khỏe HS ban đầu (không bao gồm khám nha học đường), theo 71/TB-TTYT, ngày 24/09/2025	**32.000**			
4	A3	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	**40.000**	1,0 tháng	40.000	
5	D1	TDTC 1: Cầu lông, Võ, Nhảy hiện đại, Cờ vua, Bóng bàn, Bóng rổ, Pickleball	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
6	D2	TDTC 2: Cầu lông, Võ, Nhảy hiện đại, Cờ vua, Bóng bàn, Pickleball	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
7	D3	TDTC 3: Bơi	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
8	B7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"	**172.000**	0,5 tháng	86.000	
9	B8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	**250.000**	0,5 tháng	-	
10	B9	Học phẩm	**60.000**	0,5 tháng	-	
11	B10	Tiền suất ăn trưa bán trú	**40.000**		520.000	
	-	*Số ngày ăn dự kiến*			*13 ngày ăn*	
12	B11	Tiền nước uống	**21.000**	0,5 tháng	10.500	
13	B12	Tiền BHYT học sinh (theo TB số 751/TB-BHXH, ngày 12/08/2025)	**631.800**			
14	B13	Tổ chức hoạt động giáo dục công dân số (K8)	**92.000**	0,5 tháng	46.000	
		Tổng cộng Lớp Tích hợp (8A1):			**1.137.500**	

③ Lớp Tăng cường Tiếng Anh (K.6+7):						
1	H1	Học phí (không thu)	-			
2	A1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	**300.000**	1,0 tháng	300.000	
3	A2	Dịch vụ khám sức khỏe HS ban đầu (không bao gồm khám nha học đường), theo 71/TB-TTYT, ngày 24/09/2025	**32.000**		-	
4	A3	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	**40.000**	1,0 tháng	40.000	
5	B1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	**172.000**	0,5 tháng	86.000	
6	D1	TDTC 1: Cầu lông, Võ, Nhảy hiện đại, Cờ vua, Bóng bàn, Bóng rổ, Pickleball	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
7	D2	TDTC 2: Cầu lông, Võ, Nhảy hiện đại, Cờ vua, Bóng bàn, Pickleball	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
8	D3	TDTC 3: Bơi	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
9	B3	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	**92.000**	0,5 tháng	46.000	
10	B4	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	**92.000**	0,5 tháng	46.000	
11	B5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	**264.000**	0,5 tháng	132.000	
12	B7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"	**172.000**	0,5 tháng	86.000	
13	B8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	**250.000**		-	
14	B9	Học phẩm	**60.000**		-	
15	B10	Tiền suất ăn trưa bán trú	**40.000**		520.000	
	-	*Số ngày ăn dự kiến*			*13 ngày ăn*	
16	B11	Tiền nước uống	**21.000**	0,5 tháng	10.500	
17	B12	Tiền BHYT học sinh (theo TB số 751/TB-BHXH, ngày 12/08/2025)	**631.800**			
		Tổng cộng Lớp Tăng cường Tiếng Anh (K.6+7):			**1.401.500**	

TT	Mã hiệu	Nội dung khoản thu	Mức thu NH 2025-2026	Thu tháng 2/2026	Số tiền	Ghi chú

④ Lớp Tăng cường Tiếng Anh (K.8):

1	H1	Học phí (không thu)	-			
2	A1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	**300.000**	1,0 tháng	300.000	
3	A2	Dịch vụ khám sức khỏe HS ban đầu (không bao gồm khám nha học đường), theo 71/TB-TTYT, ngày 24/09/2025	**32.000**		-	
4	A3	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	**40.000**	1,0 tháng	40.000	
5	B1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	**172.000**	0,5 tháng	86.000	
6	D1	TDTC 1: Cầu lông, Võ, Nhảy hiện đại, Cờ vua, Bóng bàn, Bóng rổ, Pickleball	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
7	D2	TDTC 2: Cầu lông, Võ, Nhảy hiện đại, Cờ vua, Bóng bàn, Pickleball	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
8	D3	TDTC 3: Bơi	**90.000**	0,5 tháng	45.000	
9	B5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	**264.000**	0,5 tháng	132.000	
10	B7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"	**172.000**	0,5 tháng	86.000	
11	B8	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	**250.000**		-	
12	B9	Học phẩm	**60.000**		-	
13	B10	Tiền suất ăn trưa bán trú	**40.000**		520.000	
	-	*Số ngày ăn dự kiến*			*13 ngày ăn*	
14	B11	Tiền nước uống	**21.000**	0,5 tháng	10.500	
15	B12	Tiền BHYT học sinh (theo TB số 751/TB-BHXH, ngày 12/08/2025)	**631.800**			
16	B13	Tổ chức hoạt động giáo dục công dân số (K8)	**92.000**	0,5 tháng	46.000	
		Tổng cộng Lớp Tăng cường Tiếng Anh (K.8):			**1.355.500**	

Nơi nhận:
- PHHS; Công khai Online;
- P.VH-XH;
- P.KT, HT&ĐT;
- BGH; KT; TQ;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ MẠC ĐĨNH CHI

Lê Thị Ngọc Sương

* ***Ghi chú: áp dụng từ 01/11/2025***

A4	Dịch vụ sử dụng máy lạnh: đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh	**17.500**

- ***Gồm 08 lớp: 6A4-5-6 + 7A1-4-7-9 + 8A1***

A5	Dịch vụ sử dụng máy lạnh: đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	**77.500**

- ***Gồm 16 lớp còn lại.***